

## 當日市場：現金流集中在中型股和小型股

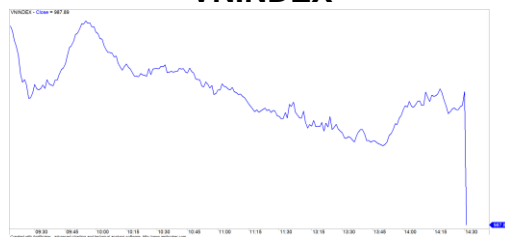
2019/11/21

市場走勢 2019/9/20

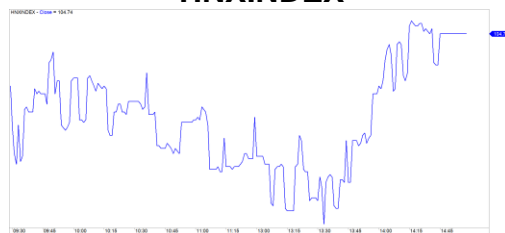
市場指數	VNI	HNI	UPCOM
收盤	987.89	104.74	56.57
%日	-1.27%	-0.16%	-0.55%
%週	-2.41%	-1.41%	-0.25%
%月	0.44%	0.70%	-0.05%
%年	7.08%	0.81%	8.66%
<b>成交值(十億盾)</b>			
當日	5,188	254	150
日均量/週	4,600	266	203
日均量/月	4,293	374	238
<b>外資進出</b>			
買進	775.45	1.85	13.43
賣出	1,105.38	13.76	16.11
買賣超	-329.93	-11.91	-2.68
<b>市場漲跌家數</b>			
上漲	112	51	146
下跌	158	72	126
持平	118	246	631
<b>市場指標</b>			
P/E	16.36	9.21	17.62
總市值 (兆盾)	3,419	190	973
股息殖利 率	1.52%	4.77%	5.24%

資料源: Bloomberg – YSVN

### VNINDEX



### HNIINDEX



### 市場走勢

市場有一個強勁波動的交易天，尤其是 ATC 時，VN 指數下跌 1.27%，收於 987.89 點。這種情況也經常發生在 VN30-Index 的期貨到期日。HNX 指數下跌 0.16%，收於 104.74 點。與上一交易日相比，整個市場的交易價值強勁增長了 15%，達近 4 兆 4 千億越南盾，表明銷售力量相當強勁。

VN30 指數繼續下跌，總計下跌 18.77 點（即 2.05%）。盤中，特別是 ATC 時，拋售壓力使該指數再次下跌。VN30 組合中，有 29 只下跌，其中 MSN, SAB, MWG, NVL, SSI, VCB, VPB, CTD, REE, PNJ, HDB, HPG, FPT 和 VNM 均下跌 1% 以上。相反，CTG 收於參考價（21,300 越南盾），而 GAS, VHM, BID 的波動幅度並不大。HVG（+6.9%），FTS（+6.3%），BCG（+5.8%），VRC（+3%）等小型股逆市而行，使 VNSML 指數上漲 0.23%。

外資強勁賣超 3440 億越南盾，其中 KDH（-2547 億）主要以議價的交易被拋售。此外也集中拋售 VIC（431 億），HPG（366 億）。相反主要購買 VRE（418 億），ROS（287 億）。

### 短線市場觀點

我們認為，下一個交易盤，市場可能出現技術反彈，VN 指數的最近阻力位是 998 點。同時，許多大盤股已經處於超賣狀態，因此下一個交易日的購買量可能會增加。現金流繼續集中在中型股和小型股上，因此投資者可以關注每隻股票的趨勢以尋找投資機會。另外，現貨比例持續下跌，表明短期策略繼續降低現貨比例。

我們的趨勢指標系統維持兩個指數短期為下跌趨勢，VN 指數和 HNX 指數的阻力位分別為 1,019.28 點和 107.21 點。因此，我們建議短期投資者繼續重組投資組合，以在恢復期間將股票比例降低至建議水平。

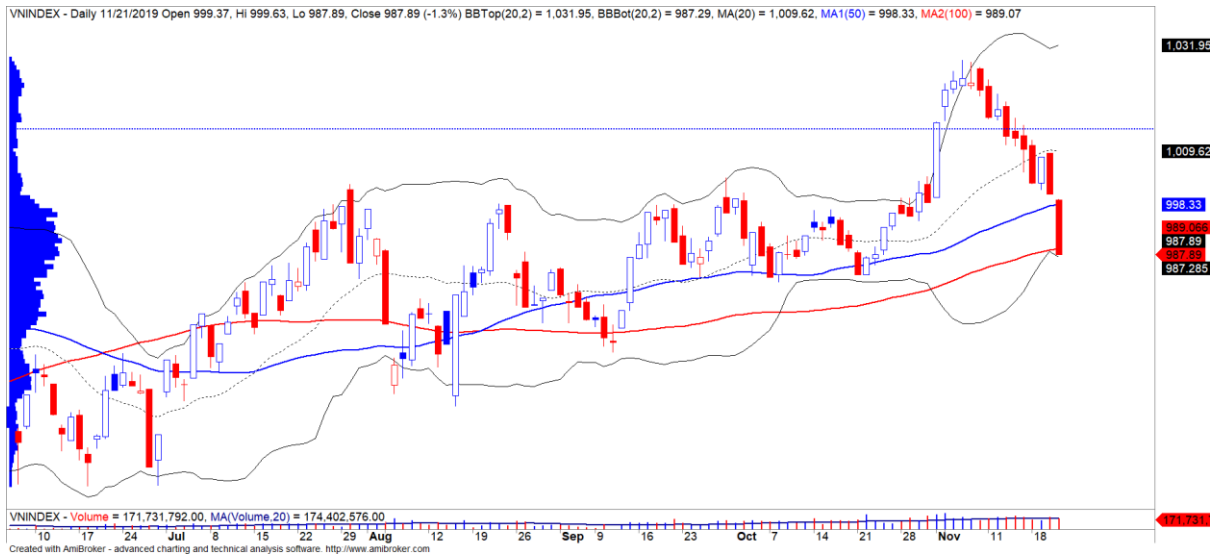
**建議短線投資比重：39%股票 / 61%現金**

(股票趨勢追蹤圖在下一頁內更新)



We Create Fortune

### 技術分析圖



指數技術分析圖 VN-Index



指數技術分析圖 HNX-Index

指數	短期趨勢	中期趨勢	阻力區 1	阻力區 2	支撐區 1	支撐區 2
VN-Index	下跌	上漲	997	1,000	988	953
HNX-Index	下跌	下跌	106	108	99	90
VN30	上漲	上漲	895	935	877	863
VNMidcaps	下跌	上漲	992	1,030	969	963
VNSmallcaps	下跌	上漲	835	845	822	804

We Create **Fortune**
**股票趨勢追蹤表**

股票	價格	短期趨勢	中期趨勢	短期買進價格	短期停損	暫計短期利潤%	短期訊號	中期買進價格	中期停損	暫計中期利潤%	中期訊號
AAA	14.80	GIẢM	GIẢM		15.52				16.59		
ACB	24.00	GIẢM	TĂNG		24.85			24.00	22.32	0.00%	
ACV	76.00	GIẢM	GIẢM		78.35				82.57		
ANV	25.40	GIẢM	GIẢM		26.33				27.58		
ASM	6.74	TĂNG	TĂNG	6.70	6.13	0.60%		6.66	6.38	1.17%	BÁN
BFC	14.85	GIẢM	GIẢM		15.02				16.55		
BID	41.20	TĂNG	TĂNG	40.80	40.99	0.98%		33.40	37.33	23.35%	
BMP	53.90	TĂNG	TĂNG	54.00	52.26	-0.19%		48.30	48.32	11.59%	
BSR	10.00	TĂNG	GIẢM	10.00	9.65	0.00%			10.51		
BVH	70.50	GIẢM	GIẢM	74.00	71.81	-2.95%	BÁN		75.79		
BWE	23.60	GIẢM	GIẢM		24.59				27.54		
CEO	9.20	GIẢM	GIẢM		9.71				10.27		
CII	24.80	GIẢM	TĂNG		24.85			24.45	22.23	1.43%	
CMG	38.20	TĂNG	TĂNG	38.90	37.82	-1.80%		23.20	34.96	64.66%	
CMX	14.80	GIẢM	GIẢM		17.22				23.05		
CSM	14.60	GIẢM	TĂNG		14.93			14.39	14.22	1.46%	
CTD	68.00	GIẢM	GIẢM		72.22				86.30		
CTG	21.30	GIẢM	TĂNG		22.13			22.00	20.78	-3.18%	
CTR	49.50	TĂNG	N/A	46.50	47.38	6.45%		-	N/A		
CVT	22.35	GIẢM	TĂNG		23.23			20.35	21.01	9.83%	
DCM	6.97	GIẢM	GIẢM		7.17			7.63	7.15	-6.34%	BÁN
DGC	27.00	TĂNG	GIẢM	27.20	26.20	-0.74%			28.91		
DGW	25.95	GIẢM	TĂNG		26.70			23.50	23.69	10.43%	
DHA	30.10	TĂNG	GIẢM	31.85	28.64	-5.49%			32.52		
DHC	39.75	TĂNG	TĂNG	33.00	37.71	20.45%		37.70	34.08	5.44%	
DHG	94.00	GIẢM	GIẢM		96.47				99.56		
DIG	13.50	GIẢM	TĂNG		13.99			13.90	13.14	-2.88%	
DPG	48.60	TĂNG	GIẢM	46.60	46.66	4.29%			50.61		
DPM	13.05	GIẢM	GIẢM		14.25			14.95	13.37	-10.57%	
DPR	40.75	TĂNG	TĂNG	37.60	37.99	8.38%			40.40		
DQC	16.75	GIẢM	GIẢM		17.27				19.02		
DRC	23.10	GIẢM	TĂNG		23.49			21.60	21.72	6.94%	
DXG	15.60	TĂNG	TĂNG	16.30	15.43	-4.29%		15.50	14.86	0.65%	
EIB	16.75	GIẢM	TĂNG	17.40	17.53	0.75%	BÁN	18.40	15.71	-8.97%	

We Create Fortune

FCN	10.90	GIẢM	GIẢM		11.56			13.25		
FMC	27.25	GIẢM	TĂNG		27.65		31.60	26.18	-13.77%	
FPT	56.00	GIẢM	TĂNG		59.90		46.00	54.99	21.74%	
GAS	104.10	GIẢM	GIẢM		109.36			109.55		
GEX	20.70	TĂNG	GIẢM	21.50	20.20	-3.72%	20.20	20.77	2.80%	BÁN
GIL	19.05	GIẢM	GIẢM		20.26			22.88		
GMD	24.50	GIẢM	GIẢM		25.49		28.50	24.57	-13.79%	
GTN	21.00	GIẢM	TĂNG		21.87		15.00	18.98	40.00%	
GVR	14.20	TĂNG	N/A	14.50	13.69	-2.07%		N/A		
HAG	4.05	GIẢM	GIẢM		4.18			4.73		
HAX	17.55	GIẢM	GIẢM		18.78			22.47		
HBC	11.30	GIẢM	GIẢM		12.30			14.29		
HCM	24.80	GIẢM	TĂNG		25.87		23.40	21.97	5.98%	
HDB	28.45	GIẢM	TĂNG		29.66		28.00	27.29	1.61%	
HDC	22.90	TĂNG	TĂNG	23.30	22.47	-1.72%	15.25	20.01	50.16%	
HDG	34.75	GIẢM	TĂNG		35.54		35.30	32.61	-1.56%	
HNG	14.70	GIẢM	GIẢM		15.23			16.29		
HPG	22.00	GIẢM	GIẢM	22.20	22.06	-0.62%	BÁN	23.82		
HSG	8.18	TĂNG	TĂNG	7.19	7.66	13.77%	7.75	7.42	5.55%	MUA
HT1	14.10	GIẢM	TĂNG		15.65		16.90	13.90	-16.57%	
HUT	2.50	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	4.17%		2.71		
HVN	34.80	GIẢM	GIẢM		36.02			36.93		
KBC	15.20	TĂNG	TĂNG	14.90	14.66	2.01%	15.35	13.91	-0.98%	
KDH	26.25	GIẢM	TĂNG		26.73		24.00	24.58	9.38%	
KSB	17.60	GIẢM	GIẢM		18.02			21.10		
LCG	8.83	TĂNG	GIẢM	8.55	8.27	3.27%		9.32		
LDG	9.96	GIẢM	GIẢM		10.57		9.89	10.08	1.90%	BÁN
LHG	16.05	TĂNG	GIẢM	15.60	15.88	2.88%		16.89		
LPB	7.80	TĂNG	GIẢM	7.70	7.63	1.30%		8.13		
MBB	22.40	GIẢM	TĂNG		23.26		21.85	21.83	2.52%	
MPC	21.00	GIẢM	GIẢM		22.72			27.11		
MSN	71.50	GIẢM	GIẢM		76.09			81.14		
MSR	15.00	TĂNG	GIẢM	17.20	14.93	-12.79%		17.20		
MWG	113.50	GIẢM	GIẢM		122.29		88.70	114.78	29.41%	
NDN	16.60	GIẢM	TĂNG		17.05		13.70	16.27	21.17%	
NKG	6.18	TĂNG	GIẢM	5.84	6.17	5.82%		6.45		
NLG	28.25	TĂNG	TĂNG	28.60	27.93	-1.22%	28.70	26.73	-1.57%	
NT2	22.70	GIẢM	GIẢM		23.45			24.51		
NTL	22.20	GIẢM	GIẢM		22.96			25.17		



We Create Fortune

NVL	57.00	GIẢM	GIẢM		59.33				63.39		
OIL	9.80	GIẢM	GIẢM		10.24				11.75		
PAC	26.20	GIẢM	GIẢM		27.15				29.79		
PC1	18.90	GIẢM	TĂNG		20.09			21.10	18.48	-10.43%	
PDR	26.00	GIẢM	TĂNG		26.42			29.00	25.01	-10.34%	
PHR	58.70	TĂNG	GIẢM	59.80	55.69	-1.84%			65.37		
PLX	59.70	TĂNG	GIẢM	59.30	58.65	0.67%			61.98		
PNJ	82.50	GIẢM	TĂNG	81.90	83.11	1.47%	BÁN	104.00	78.69	-20.67%	
POW	13.70	TĂNG	GIẢM	12.90	13.30	6.20%			13.98		
PVT	17.70	TĂNG	TĂNG	17.30	17.11	2.31%		18.30	16.28	-3.28%	
PPC	28.00	TĂNG	GIẢM	26.20	26.40	6.87%			28.36		
PTB	73.50	GIẢM	TĂNG		75.19			64.00	68.51	14.84%	
PVB	19.10	GIẢM	TĂNG		19.81			20.10	18.62	-4.98%	
PVD	16.05	GIẢM	TĂNG	16.95	16.13	-4.86%	BÁN	18.10	15.96	-11.33%	
PVI	31.80	TĂNG	GIẢM	33.20	31.14	-4.22%			35.44		
PVS	18.40	GIẢM	GIẢM	19.30	18.41	-4.62%	BÁN		20.75		
PXS	5.85	TĂNG	TĂNG	4.76	5.61	22.90%		6.20	4.71	-5.65%	
QNS	30.50	TĂNG	TĂNG	29.40	29.59	3.74%		33.80	27.80	-9.76%	
REE	37.25	TĂNG	TĂNG	37.95	36.80	-1.84%		33.33	35.23	11.78%	
SAB	241.00	GIẢM	GIẢM		255.38				270.96		
SAM	8.00	GIẢM	TĂNG		8.19			7.40	7.51	8.11%	
SCR	5.50	GIẢM	GIẢM		5.84				6.51		
SHI	9.00	GIẢM	TĂNG		9.39			6.99	8.30	28.76%	
SJS	17.10	TĂNG	TĂNG	15.30	15.26	11.76%			16.88		
SKG	11.10	GIẢM	GIẢM		11.52				11.70		
SSI	20.40	GIẢM	GIẢM		21.67				22.27		
STB	10.20	GIẢM	GIẢM		10.83				11.09		
TCB	23.50	GIẢM	TĂNG		25.38			22.65	22.56	3.75%	
TCM	20.00	GIẢM	GIẢM		20.94				24.78		
TDH	10.00	GIẢM	GIẢM		10.31				11.45		
TLH	4.51	TĂNG	TĂNG	4.06	4.09	11.08%			4.43		
TNG	14.10	GIẢM	GIẢM		14.96				18.22		
VCB	87.50	GIẢM	TĂNG		91.82			62.00	84.00	41.13%	
VCG	27.30	TĂNG	TĂNG	27.00	26.53	1.11%		19.20	25.02	42.19%	
VCS	86.90	GIẢM	GIẢM		89.70				101.83		
VGC	18.60	GIẢM	GIẢM		18.97				20.49		
VGT	8.40	GIẢM	GIẢM		8.66				9.49		
VHC	78.50	GIẢM	GIẢM		80.41				87.01		
VHM	95.30	GIẢM	TĂNG		100.18			90.20	89.66	5.65%	

We Create Fortune

VIB	17.50	GIẢM	TĂNG		18.16			17.70	16.56	-1.13%	
VIC	115.30	GIẢM	TĂNG		119.53			112.00	113.76	2.95%	
VIP	5.00	TĂNG	GIẢM	5.15	4.96	-2.91%			5.30		
VJC	143.40	TĂNG	TĂNG	139.40	142.73	2.87%		124.50	137.02	15.18%	
VND	14.00	TĂNG	GIẢM	14.10	13.72	-0.71%			14.88		
VNG	21.05	GIẢM	GIẢM		21.66			20.20	21.17	4.78%	
VNM	122.00	GIẢM	GIẢM		126.59			130.10	124.25	-4.49%	BÁN
VPB	20.00	GIẢM	GIẢM		21.76			20.30	20.56	1.27%	
VPI	41.30	TĂNG	TĂNG	42.20	41.02	-2.13%		41.30	39.68	0.00%	
VRC	19.15	TĂNG	TĂNG	16.05	17.41	19.31%		17.30	15.06	10.69%	
VRE	35.00	TĂNG	TĂNG	32.70	34.20	7.03%		35.05	32.08	-0.14%	
VSC	24.60	GIẢM	GIẢM		25.74				28.61		

### LARGECAPS 大型股票趨勢追蹤表

股票	價格	短期趨勢	中期趨勢	短期買進價格	短期停損	暫計短期利潤%	短期訊號	中期買進價格	中期停損	暫計中期利潤%	中期訊號
ACB	24.00	GIẢM	TĂNG		24.85			24.00	22.32	0.00%	
BID	41.20	TĂNG	TĂNG	40.80	40.99	0.98%		33.40	37.33	23.35%	
BSR	10.00	TĂNG	GIẢM	10.00	9.65	0.00%			10.51		
BVH	70.50	GIẢM	GIẢM	74.00	71.81	-2.95%	BÁN		75.79		
CTG	21.30	GIẢM	TĂNG		22.13			22.00	20.78	-3.18%	
FPT	56.00	GIẢM	TĂNG		59.90			40.23	54.99	39.21%	
GAS	104.10	GIẢM	GIẢM		109.36				109.55		
GEX	20.70	TĂNG	GIẢM	21.50	20.20	-3.72%		20.26	20.77	2.49%	BÁN
GVR	14.20	TĂNG	N/A	14.50	13.69	-2.07%			N/A		
HDB	28.45	GIẢM	TĂNG		29.66			28.00	27.29	1.61%	
HNG	14.70	GIẢM	GIẢM		15.23				16.29		
HPG	22.00	GIẢM	GIẢM	22.20	22.06	-0.62%	BÁN		23.82		
HVN	34.80	GIẢM	GIẢM		36.02				36.93		
KDH	26.25	GIẢM	TĂNG		26.73			24.00	24.58	9.38%	
MBB	22.40	GIẢM	TĂNG		23.26			19.72	21.83	13.59%	
MSN	71.50	GIẢM	GIẢM		76.09				81.14		
MWG	113.50	GIẢM	GIẢM		122.29			88.70	114.78	29.41%	
NVL	57.00	GIẢM	GIẢM		59.33				63.39		
OIL	9.80	GIẢM	GIẢM		10.24				11.75		
PLX	59.70	TĂNG	GIẢM	59.30	58.65	0.67%			61.98		
PNJ	82.50	GIẢM	TĂNG	81.90	83.11	1.47%	BÁN	77.07	78.69	7.04%	

We Create Fortune

POW	13.70	TĂNG	GIẢM	12.90	13.30	6.20%		13.98			
QNS	30.50	TĂNG	TĂNG	29.40	29.59	3.74%		33.26	27.80	-8.29%	
REE	37.25	TĂNG	TĂNG	37.95	36.80	-1.84%		33.33	35.23	11.78%	
ROS	25.00	GIẢM	GIẢM		25.92				27.61		
SBT	18.60	TĂNG	TĂNG	18.90	18.25	-1.59%		17.50	17.44	6.29%	
SSI	20.40	GIẢM	GIẢM		21.67				22.27		
STB	10.20	GIẢM	GIẢM		10.83				11.09		
TCB	23.50	GIẢM	TĂNG		25.38			22.65	22.56	3.75%	
TPB	22.30	TĂNG	GIẢM	22.70	22.12	-1.76%			23.94		
VCB	87.50	GIẢM	TĂNG		91.82			62.00	84.00	41.13%	
VCG	27.30	TĂNG	TĂNG	27.00	26.53	1.11%		18.44	25.02	48.04%	
VCS	86.90	GIẢM	GIẢM		89.70				101.83		
VEA	49.30	GIẢM	GIẢM		50.92				59.45		
VGI	29.40	GIẢM	N/A		31.15				N/A		
VHM	95.30	GIẢM	TĂNG		100.18			89.13	89.66	6.93%	
VIB	17.50	GIẢM	TĂNG		18.16			15.00	16.56	16.63%	
VIC	115.30	GIẢM	TĂNG		119.53			112.00	113.76	2.95%	
VJC	143.40	TĂNG	TĂNG	139.40	142.73	2.87%		124.50	137.02	15.18%	
VNM	122.00	GIẢM	GIẢM		126.59			130.10	124.25	-4.49%	BÁN
VPB	20.00	GIẢM	GIẢM		21.76			20.30	20.56	1.27%	
VRE	35.00	TĂNG	TĂNG	32.70	34.20	7.03%		35.05	32.08	-0.14%	

### MIDCAPS 中型股票趨勢追蹤表

股票	價格	短期趨勢	中期趨勢	短期買進價格	短期停損	暫計短期利潤%	短期訊號	中期買進價格	中期停損	暫計中期利潤%	中期訊號
AAA	14.80	GIẢM	GIẢM		15.52				16.59		
ANV	25.40	GIẢM	GIẢM		26.33				27.58		
ASM	6.74	TĂNG	TĂNG	6.70	6.13	0.60%		6.66	6.38	1.17%	BÁN
BMI	26.35	GIẢM	TĂNG		26.84			26.70	23.99	-1.31%	
BMP	53.90	TĂNG	TĂNG	54.00	52.26	-0.19%		48.30	48.32	11.59%	
BWE	23.60	GIẢM	GIẢM		24.59				27.54		
CEO	9.20	GIẢM	GIẢM		9.71				10.27		
CII	24.80	GIẢM	TĂNG		24.85			24.45	22.23	1.43%	
CRE	24.40	GIẢM	GIẢM		24.83				25.73		
CTI	23.50	GIẢM	TĂNG		24.58			25.05	22.66	-6.19%	
CTR	49.50	TĂNG	GIẢM	46.50	47.38	6.45%			53.42		
D2D	89.20	TĂNG	TĂNG	72.50	84.15	23.03%		83.10	70.75	7.34%	

We Create Fortune

DBD	59.80	GIẢM	TĂNG		63.68			38.65	50.35	54.72%	
DCM	6.97	GIẢM	GIẢM		7.17			7.63	7.15	-6.34%	BÁN
DGW	25.95	GIẢM	TĂNG		26.70			23.04	23.69	12.64%	
DHC	39.75	TĂNG	TĂNG	33.00	37.71	20.45%		37.70	34.08	5.44%	
DIG	13.50	GIẢM	TĂNG		13.99			13.90	13.14	-2.88%	
DPG	48.60	TĂNG	GIẢM	46.60	46.66	4.29%			50.61		
DPM	13.05	GIẢM	GIẢM		14.25			14.95	13.37	-10.57%	
DRC	23.10	GIẢM	TĂNG		23.49			21.60	21.72	6.94%	
DXG	15.60	TĂNG	TĂNG	16.30	15.43	-4.29%		15.50	14.86	0.65%	
E1VFN30	15.00	GIẢM	TĂNG		15.67			15.26	14.84	-1.70%	
FCN	10.90	GIẢM	GIẢM		11.56				13.25		
FLC	4.56	TĂNG	TĂNG	4.61	4.06	-1.08%		4.63	4.02	-1.51%	
GEG	28.20	TĂNG	TĂNG	28.10	27.46	0.36%		12.50	25.04	125.56%	
GMD	24.50	GIẢM	GIẢM		25.49			26.91	24.57	-8.70%	
GTN	21.00	GIẢM	TĂNG		21.87			15.00	18.98	40.00%	
HAG	4.05	GIẢM	GIẢM		4.18				4.73		
HBC	11.30	GIẢM	GIẢM		12.30				14.29		
HCM	24.80	GIẢM	TĂNG		25.87			23.40	21.97	5.98%	
HDC	22.90	TĂNG	TĂNG	23.30	22.47	-1.72%		15.25	20.01	50.16%	
HDG	34.75	GIẢM	TĂNG		35.54			35.30	32.61	-1.56%	
HPX	26.65	TĂNG	#N/A	27.50	25.87	-3.09%		35.30	#N/A	#N/A	
HSG	8.18	TĂNG	TĂNG	7.19	7.66	13.77%		7.75	7.42	5.55%	MUA
HT1	14.10	GIẢM	TĂNG		15.65			16.90	13.90	-16.57%	
HTM	16.00	TĂNG	GIẢM	16.00	13.85	0.00%			18.47		
IBC	21.20	TĂNG	GIẢM	20.60	20.79	2.91%			21.22		
IDI	5.46	TĂNG	TĂNG	5.46	5.46	0.00%	MUA	7.53	5.22	-27.49%	
IJC	15.95	TĂNG	TĂNG	16.15	15.25	-1.24%		13.10	13.74	21.76%	
ITA	3.07	GIẢM	TĂNG	3.29	3.09	-5.93%	BÁN	3.20	2.96	-4.06%	
KBC	15.20	TĂNG	TĂNG	14.90	14.66	2.01%		14.85	13.91	2.38%	
KDC	20.90	GIẢM	TĂNG		21.63			21.90	19.02	-4.57%	
KOS	28.10	TĂNG	TĂNG	26.80	26.82	4.85%		26.30	25.20	6.84%	
KSB	17.60	GIẢM	GIẢM		18.02				21.10		
LDG	9.96	GIẢM	GIẢM		10.57			9.89	10.08	1.90%	BÁN
LPB	7.80	TĂNG	GIẢM	7.70	7.63	1.30%			8.13		
MBG	34.30	GIẢM	TĂNG		46.18			5.10	33.78	572.55%	
MBS	14.10	GIẢM	GIẢM		14.61				15.97		
MPC	21.00	GIẢM	GIẢM		22.72				27.11		
NBB	20.80	TĂNG	GIẢM	20.85	20.44	-0.24%			22.02		





We Create Fortune

NKG	6.18	TĂNG	GIẢM	5.84	6.17	5.82%		6.45			
NLG	28.25	TĂNG	TĂNG	28.60	27.93	-1.22%		26.28	26.73	7.49%	
NT2	22.70	GIẢM	GIẢM		23.45			24.51			
NTL	22.20	GIẢM	GIẢM		22.96			25.17			
NVB	9.00	TĂNG	TĂNG	7.60	8.78	18.42%		8.50	8.20	5.88%	
OGC	3.81	GIẢM	GIẢM		4.04			4.28			
PC1	18.90	GIẢM	TĂNG		20.09			19.30	18.48	-2.07%	
PDR	26.00	GIẢM	TĂNG		26.42			23.59	25.01	10.19%	
PHR	58.70	TĂNG	GIẢM	59.80	55.69	-1.84%		65.37			
PPC	28.00	TĂNG	GIẢM	26.20	26.40	6.87%		28.36			
PTB	73.50	GIẢM	TĂNG		75.19			60.78	68.51	20.93%	
PVD	16.05	GIẢM	TĂNG	16.95	16.13	-4.86%	BÁN	18.10	15.96	-11.33%	
PVI	31.80	TĂNG	GIẢM	33.20	31.14	-4.22%		35.44			
PVS	18.40	GIẢM	GIẢM	19.30	18.41	-4.62%	BÁN	20.75			
PVT	17.70	TĂNG	TĂNG	17.30	17.11	2.31%		17.31	16.28	2.28%	
QCG	4.40	GIẢM	GIẢM		4.64			5.27			
SCR	5.50	GIẢM	GIẢM		5.84			6.51			
SGP	8.10	GIẢM	GIẢM		8.85			11.03			
SHB	6.50	TĂNG	GIẢM	6.60	6.45	-1.52%		6.86			
SHS	8.30	TĂNG	TĂNG	7.30	8.12	13.70%		8.40	7.36	-1.19%	
SZC	18.25	TĂNG	#N/A	18.15	16.63	0.55%		#N/A			
TCH	25.60	TĂNG	TĂNG	23.30	25.35	9.87%		26.15	25.19	-2.10%	MUA
TCM	20.00	GIẢM	GIẢM		20.94			24.78			
TDH	10.00	GIẢM	GIẢM		10.31			11.45			
TNG	14.10	GIẢM	GIẢM		14.96			18.22			
TTB	10.80	GIẢM	GIẢM		12.80			21.17			
VGC	18.60	GIẢM	GIẢM		18.97			20.49			
VGT	8.40	GIẢM	GIẢM		8.66			9.49			
VHC	78.50	GIẢM	GIẢM		80.41			87.01			
VND	14.00	TĂNG	GIẢM	14.10	13.72	-0.71%		14.88			
VNG	21.05	GIẢM	GIẢM		21.66			20.20	21.17	4.78%	
VPI	41.30	TĂNG	TĂNG	42.20	41.02	-2.13%		41.30	39.68	0.00%	

We Create Fortune

SMALLCAPS 小型股票趨勢追蹤表

股票	價格	短期趨勢	中期趨勢	短期買進價格	短期停損	暫計短期利潤%	短期訊號	中期買進價格	中期停損	暫計中期利潤%	中期訊號
AAV	8.90	GIẢM	GIẢM		9.11				10.21		
AGR	4.10	GIẢM	GIẢM		4.21				4.73		
AMD	1.78	TĂNG	TĂNG	1.77	1.66	0.56%		1.70	1.67	4.71%	MUA
APG	9.71	TĂNG	TĂNG	8.76	9.35	10.84%		9.90	7.90	-1.92%	
ART	2.10	TĂNG	GIẢM	2.00	1.98	5.00%			2.25		
BCG	9.00	GIẢM	TĂNG		9.54			6.39	7.30	40.85%	
C4G	6.00	GIẢM	GIẢM		6.50				7.72		
C69	10.50	GIẢM	GIẢM		13.76				21.31		
CCL	6.11	GIẢM	GIẢM		6.71				8.55		
CVT	22.35	GIẢM	TĂNG		23.23			20.35	21.01	9.83%	
DAH	9.50	GIẢM	GIẢM		10.32				11.48		
DLG	1.55	GIẢM	GIẢM		1.67				1.65		
DRH	4.69	GIẢM	GIẢM		4.99				6.50		
DTD	11.10	GIẢM	GIẢM		12.31				15.49		
EVG	2.69	TĂNG	GIẢM	2.78	2.65	-3.24%			2.90		
FIT	4.21	GIẢM	TĂNG		4.47			3.64	3.79	15.66%	
FTM	2.90	GIẢM	GIẢM		3.30				6.26		
FUES SV50	13.16	GIẢM	TĂNG		13.42			12.85	13.14	2.41%	
GKM	14.90	TĂNG	GIẢM	15.00	14.82	-0.67%			15.54		
HAH	12.80	GIẢM	GIẢM		13.03				14.83		
HAI	2.30	TĂNG	TĂNG	1.69	2.14	36.09%		1.88	1.63	22.34%	
HAR	3.79	GIẢM	GIẢM		4.07			3.90	3.88	-0.61%	MUA
HDA	10.80	GIẢM	GIẢM		11.09				12.03		
HHP	12.00	TĂNG	GIẢM	12.20	11.54	-1.64%			13.51		
HHS	3.05	GIẢM	TĂNG		3.18			3.36	2.94	-9.23%	
HID	2.29	GIẢM	TĂNG		2.49			2.63	2.16	-12.93%	
HII	10.05	GIẢM	GIẢM		10.85				12.29		
HQC	1.05	GIẢM	GIẢM		1.10				1.23		
HSL	7.63	GIẢM	GIẢM		7.95				9.13		
HUT	2.50	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	4.17%			2.71		
HVG	7.82	TĂNG	TĂNG	7.82	7.56	0.00%	MUA	3.90	4.43	100.51%	
HVH	17.65	GIẢM	GIẢM		18.04				20.94		
IDJ	7.30	GIẢM	TĂNG		7.77			7.20	5.42	1.39%	
JVC	4.23	GIẢM	GIẢM		4.32				4.91		



We Create Fortune

KLF	1.30	TĂNG	GIẢM	1.40	1.11	-7.14%		1.48		
LCG	8.83	TĂNG	GIẢM	8.55	8.27	3.27%		9.32		
LGL	9.02	GIẢM	TĂNG		9.45		7.11	8.39	26.81%	
LHG	16.05	TĂNG	GIẢM	15.60	15.88	2.88%		16.89		
LMH	12.70	GIẢM	#N/A		12.81			#N/A		
MST	4.30	TĂNG	TĂNG	3.80	3.83	13.16%		3.40	26.47%	
NDN	16.60	GIẢM	TĂNG		17.05		13.10	16.27	26.68%	
PHC	11.80	GIẢM	TĂNG		12.31		14.20	11.21	-16.90%	
PLP	9.95	GIẢM	GIẢM		10.52			12.21		
PVB	19.10	GIẢM	TĂNG		19.81		19.42	18.62	-1.63%	
PVC	7.50	GIẢM	TĂNG		7.68		6.70	6.66	11.94%	
PVX	1.10	GIẢM	GIẢM		1.40			1.50		
PXL	7.40	TĂNG	TĂNG	5.50	6.61	34.55%		6.70	4.94	10.45%
SHI	9.00	GIẢM	TĂNG		9.39		5.77	8.30	56.11%	
SJF	2.30	GIẢM	GIẢM	2.35	2.30	-2.13%	BÁN	2.79		
SPP	2.10	GIẢM	GIẢM		2.32			2.94		
TDC	8.56	GIẢM	TĂNG		8.86		7.05	8.48	21.35%	
TIG	5.60	GIẢM	TĂNG		5.88		3.20	4.11	75.00%	
TLH	4.51	TĂNG	TĂNG	4.06	4.09	11.08%		4.43		
TNA	21.50	TĂNG	TĂNG	13.70	19.29	56.93%		11.45	16.37	87.75%
TNI	10.25	TĂNG	GIẢM	10.20	10.05	0.49%		10.89		
TSC	3.04	GIẢM	TĂNG		3.85		1.58	2.77	92.41%	
TTF	2.85	TĂNG	GIẢM	2.95	2.75	-3.39%		3.22		
TTH	2.70	TĂNG	GIẢM	2.90	2.59	-6.90%		3.16		
TVC	15.00	GIẢM	TĂNG		15.55		14.30	14.38	4.90%	
VC3	17.60	TĂNG	TĂNG	25.50	17.06	-30.98%		22.00	15.24	-20.00%
VCR	14.20	GIẢM	GIẢM		16.18			23.58		
VNA	4.10	GIẢM	TĂNG		4.47		4.70	3.92	-12.77%	
VNE	3.60	GIẢM	GIẢM		3.66			3.70		
VRC	19.15	TĂNG	TĂNG	16.05	17.41	19.31%		17.30	15.06	10.69%

We Create Fortune

胡志明市交易所 (HSX)

	收盤	漲跌%
VNI	987.89	-1.27%
VN30	898.23	-2.05%
VN Mid	966.92	-0.30%
VN Small	788.31	0.23%

河內交易所 (HSX)

	收盤	漲跌%
HNI	104.74	-0.16%
HN30	185.91	-0.36%
VNX AllSh	869.58	-1.52%

UPCOM 市場 (UPCoM)

	收盤	漲跌%
UPCoM	56.57	-0.55%

外資交易	成交值(十億盾)	
買進	775.45	
賣出	1105.38	
買超/賣超	-329.93	

外資交易	成交值(十億盾)	
買進	1.85	
賣出	13.76	
買超/賣超	-11.91	

外資交易	成交值(十億盾)	
買進	13.43	
賣出	16.11	
買超/賣超	-2.68	

上漲排名/股碼	漲跌(VND)	漲跌%
HVG	510	6.98%
FTS	750	6.25%
BCG	490	5.76%
SJS	850	5.23%
DPR	1250	3.16%

上漲排名/股碼	漲跌(VND)	漲跌%
VC3	400	2.33%
ACB	100	0.42%
DGC	100	0.37%
TAR	100	0.31%
SHS	0	0.00%

上漲排名/股碼	漲跌(VND)	漲跌%
DDV	200	3.45%
HTM	500	3.23%
GVR	300	2.16%
QNS	100	0.33%
NTC	500	0.30%

下跌排名/股碼	漲跌(VND)	漲跌%
EIB	-1250	-6.94%
HT1	-900	-6.00%
DPM	-650	-4.74%
VPB	-900	-4.31%
CTD	-2900	-4.09%

下跌排名/股碼	漲跌(VND)	漲跌%
MBG	-3800	-9.97%
AMV	-600	-2.79%
SHB	-100	-1.52%
TNG	-200	-1.40%
NVB	-100	-1.10%

下跌排名/股碼	漲跌(VND)	漲跌%
MPC	-300	-1.41%
VGI	-400	-1.34%
LPB	-100	-1.27%
BSR	-100	-0.99%
SDI	-900	-0.79%

\*備註：市值>5,000 億盾；成交值>15 億盾

市值排名/股碼	十億盾
VIC	388,129
VCB	331,945
VHM	322,223
VNM	215,931
GAS	200,965

市值排名/股碼	十億盾
ACB	39,591
VCS	13,920
VCG	12,059
PVS	8,842
SHB	7,941

市值排名/股碼	十億盾
ACV	166,277
VGI	90,766
VEA	65,914
GVR	55,664
MCH	52,218

交易量排名/股碼	成交值	30 日均
ROS	26,480,550	28,176,151
VRE	13,052,113	5,079,602
KDH	11,800,410	1,003,512
FLC	10,527,650	15,876,873
HPG	9,519,606	7,080,577

交易量排名/股碼	成交值	30 日均
S99	4,000,000	220,231
SHB	2,113,433	2,966,748
ACB	1,782,516	4,947,886
PVS	1,680,531	1,717,321
NVB	1,631,613	2,243,543

交易量排名/股碼	成交值	30 日均
DDV	1,916,000	95,983
BSR	1,263,300	2,336,381
PVP	1,161,080	66,914
GVR	1,116,227	577,602
SBS	530,990	206,444

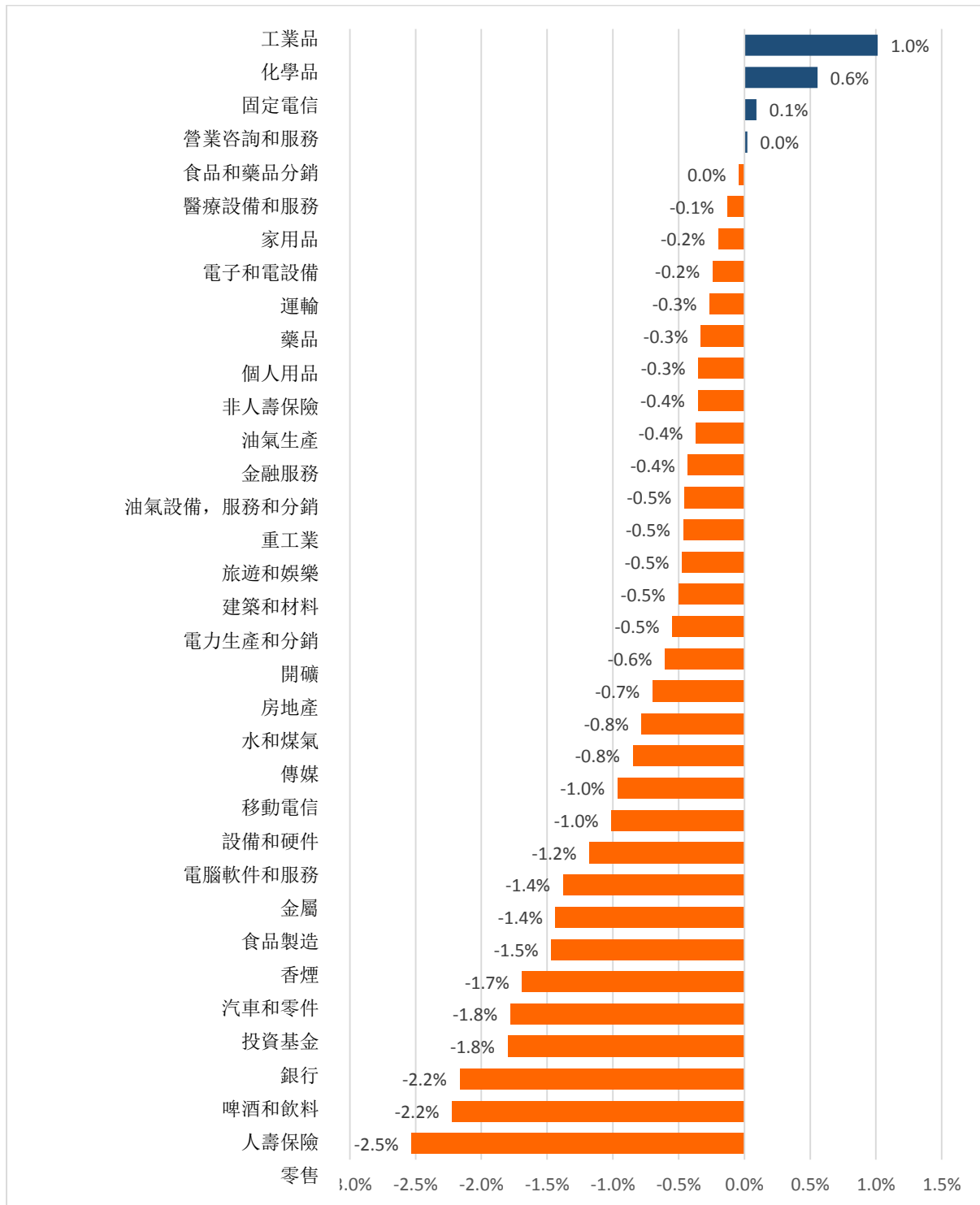
資料源: Bloomberg & Yuanta Research

資料源: Bloomberg & Yuanta Research

資料源: Bloomberg & Yuanta Research

We Create Fortune

## 各行業板塊的交易走勢



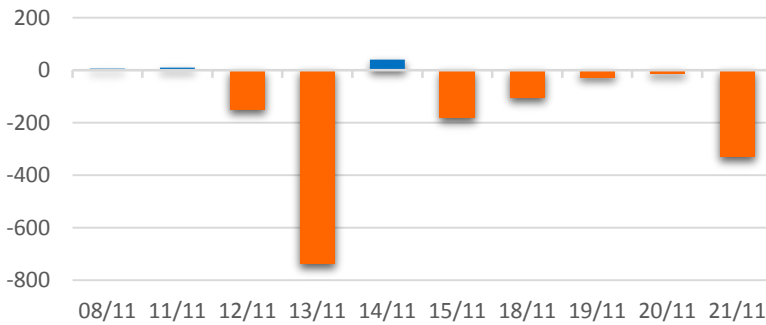
資料源: FiinPro - YSVN



We Create Fortune

## 外資買進賣統計

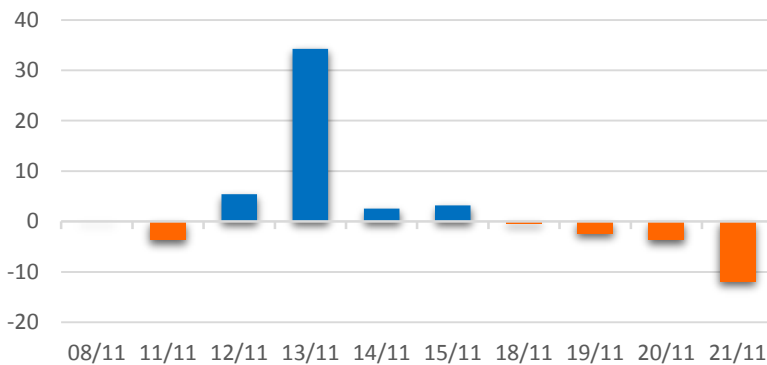
### HSX 外資每日買/賣超



證券代碼	買超金額 (百萬盾)	證券代碼	賣超金額 (百萬盾)
VRE	41,838	KDH	254,759
ROS	28,697	VIC	43,145
VNM	23,577	HPG	36,665
HDG	21,039	VHM	28,134
SMB	7,739	VCB	20,660

HSX 外資買/賣超的前 5 名

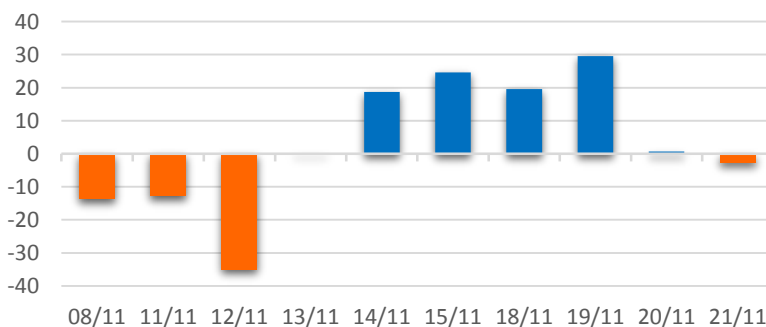
### HNX 外資每日買/賣超



證券代碼	買超金額 (百萬盾)	證券代碼	賣超金額 (百萬盾)
DGC	313	PVS	5,997
IDV	180	CEO	3,325
SLS	111	NDN	2,286
TNG	87	SHB	585
AMV	83	BVS	457

HNX 外資買/賣超的前 5 名

### UPCOM 外資每日買/賣超



證券代碼	買超金額 (百萬盾)	證券代碼	賣超金額 (百萬盾)
QNS	2,984	VEA	7,254
VTP	886	MPC	562
MCH	762	GVR	227
ACV	572	RCD	157
PVP	384	CTR	384

UPCOM 外資買/賣超的前 5 名

源: FiinPro – YSVN

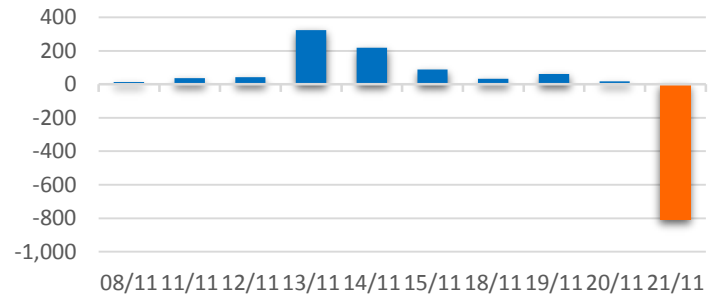
We Create **Fortune**

## 自營進出統計

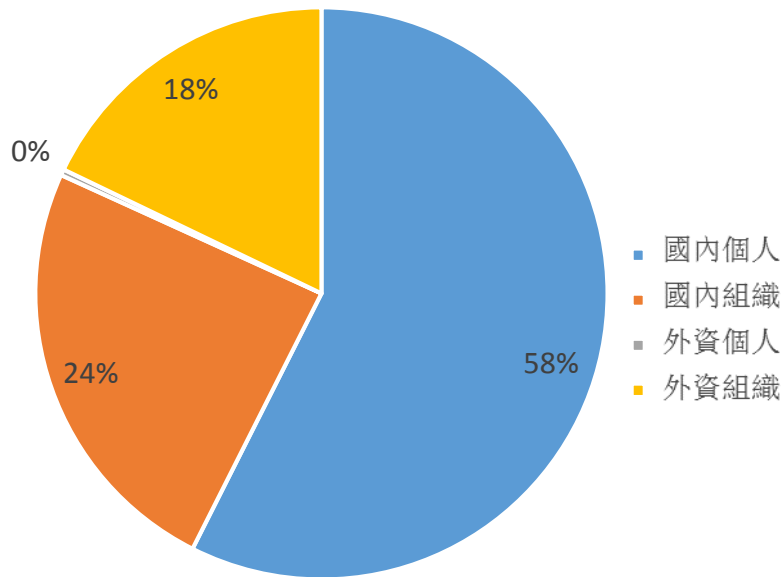
證券代碼	買超金額 (百萬盾)	證券代碼	賣超金額 (百萬盾)
FPT	18,600	VNM	80,691
MBB	17,181	MWG	75,884
MSN	14,772	TCB	71,564
THI	14,000	VIC	64,655
VNM	11,292	HPG	63,252

券商自營交易最大前名

## 券商自營交易每日買/賣超 (bil.VND)



## 越南證券市場投資人類別統計

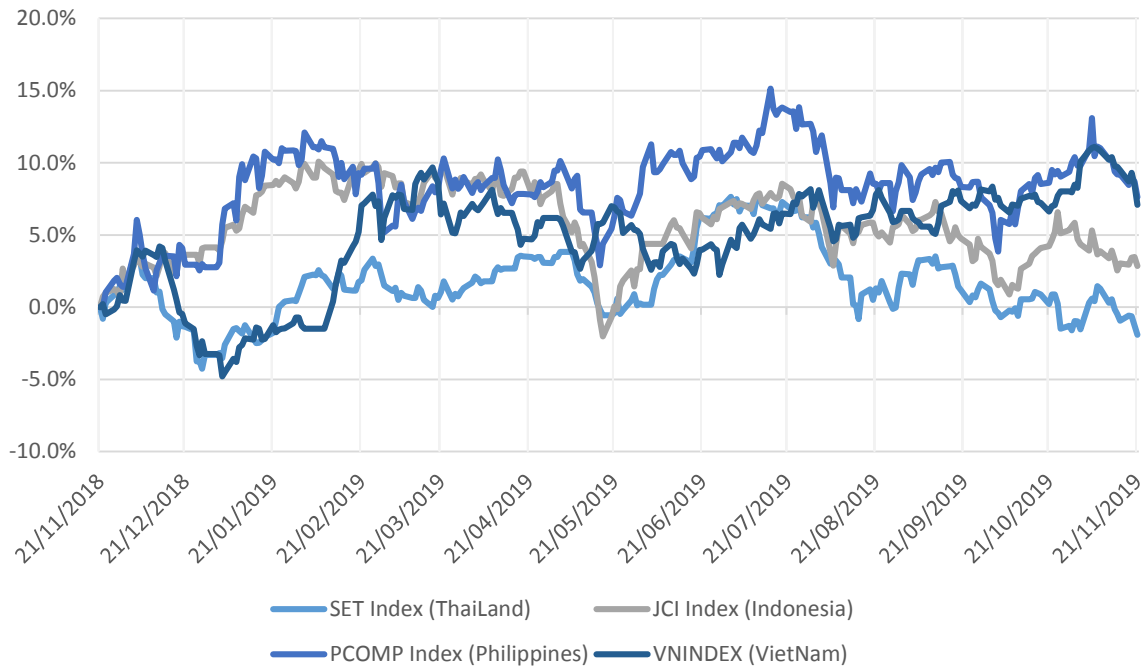


資料源: FiiPro - YSVN



We Create Fortune

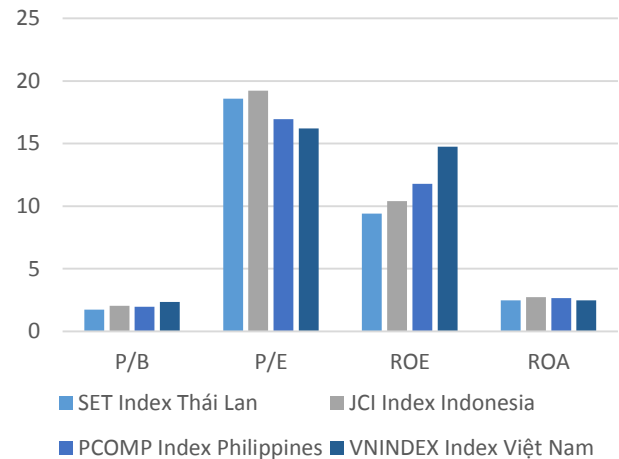
### 東南亞主要市場走勢比較



### 東南亞主要市場數據

		Thailand	Indonesia	Philippines	Vietnam
P/B		1.8x	2.0x	2.0x	2.4x
P/E		18.7x	19.3x	17.1x	16.4x
ROE	%	9.39	10.41	11.79	14.75
ROA	%	2.46	2.74	2.66	2.47
Vốn hóa	Tỷ USD	558.15	503.89	194.22	148.18
GTGD	Triệu USD	1.34	0.36	0.10	0.14
LS cổ tức	%	3.12	2.46	1.63	2.03

BloomBerg & YSVN







We Create **Fortune**

## 元大證券（越南）公司

### 個人客戶分析部

**Nguyễn Th ê Minh**

研究分析經理

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com.vn

**Quách Đức Khánh**

高級分析專員

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com.vn

**Phạm Tấn Phát**

高級分析專員

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuantan.com.vn

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

分析專員

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com.vn

### 個人客戶業務部

**Nguyễn Thanh Tùng**

總公司業務經理

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

**Chung Kim Hoa**

華人客戶部經理

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

**Phù Vĩnh Qu ê**

堤岸分行經理

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

河內分行經理

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

平陽分行經理

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

同奈分行經理

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn

**Nguyễn Đức Hoàn**

河內南部營業中心經理

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuantan.com.vn

**Võ Đình Tuấn**

峴港分行經理

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written